



ní hóng

倪虹

noun · rainbow (variant of 霓虹)

Example Sentence

Tiān kōng zhōng chū xiàn le yī dào ní hóng

天空中出现了一道倪虹。

A rainbow appeared in the sky.

Trace each character, then write the word on your own.

倪倪倪倪倪倪倪倪倪倪倪
倪倪虹虹虹虹虹虹虹虹虹虹虹
虹